CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Khách Sạn Sài Gòn

Ngày 31/03/2025	30,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**11.9%**

DT thuần
Q1/25
12.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.90| -13.6%
YoY: ▲ 1.60| 14.9%

LN thuần
Q1/25
5.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.69| -10.5%
YoY: ▲ 0.53| 9.8%

LN sau thuế
Q1/25
4.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.57| -10.8%
YoY: ▲ 0.41| 9.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
48.6%
YoY: +/-▲ 1.6%

ROE (TTM)
Q1/25
8.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

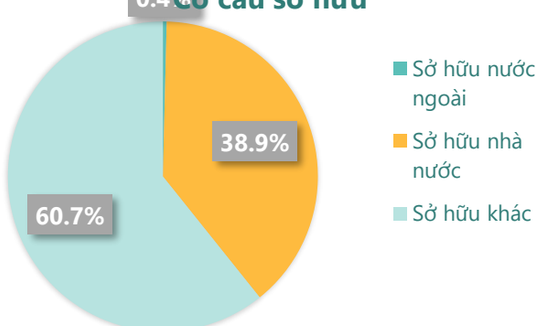
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,800 - 39,534
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	371
Số lượng CPLH (CP)	12,364,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	
EPS	1,185
P/E	25.3

DT thuần
2024
45.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.10| 7.3%

LN thuần
2024
13.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.40| -38.5%

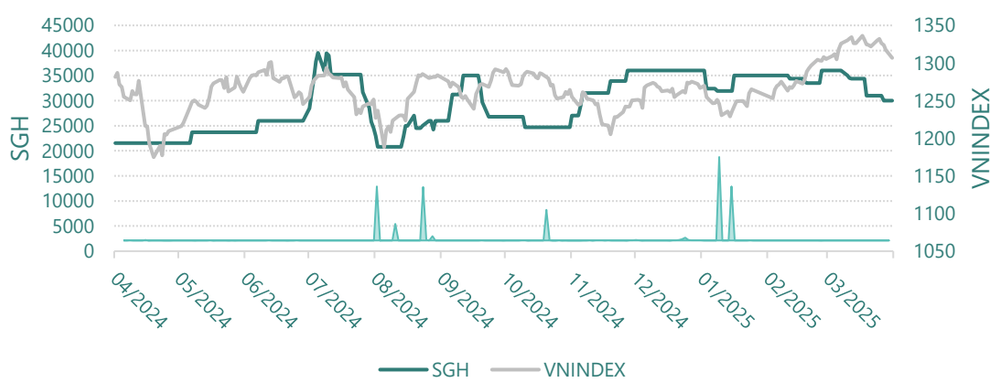
LN sau thuế
2024
10.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.80| -39.0%

Cơ cấu sở hữu

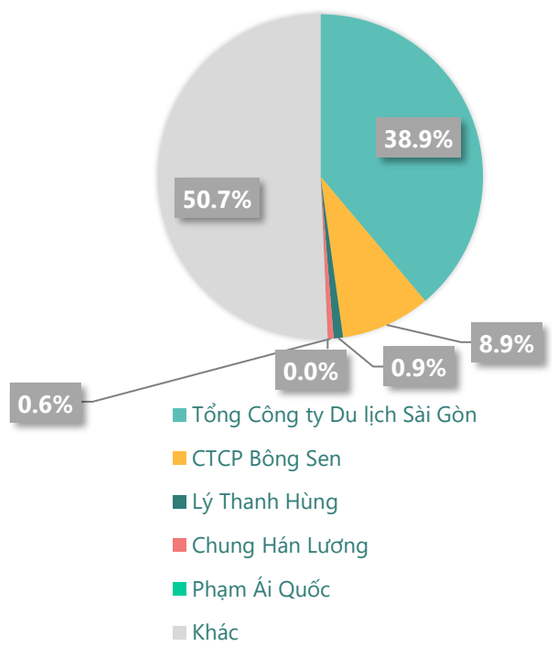


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



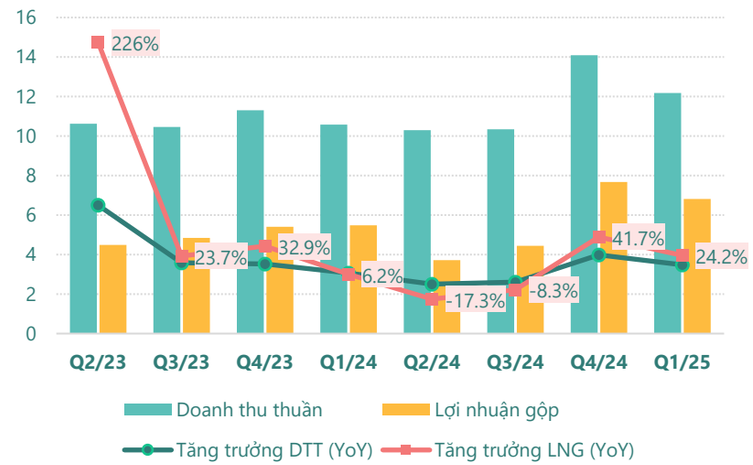
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

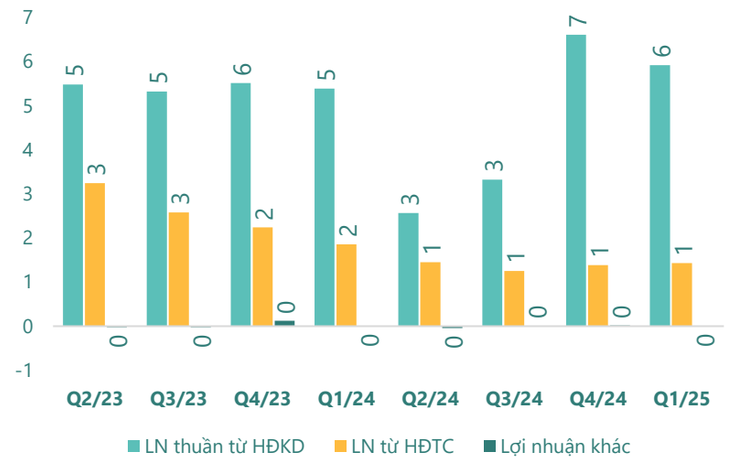
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



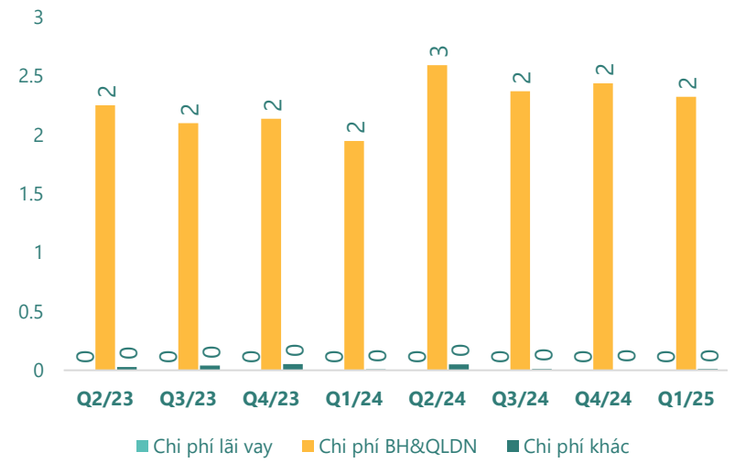
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



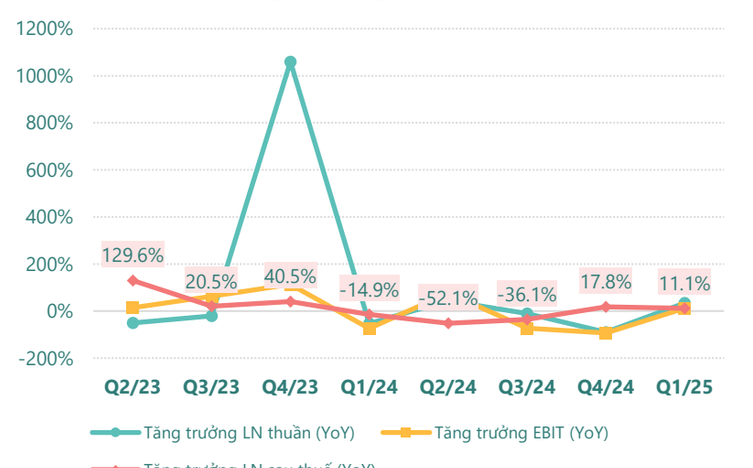
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



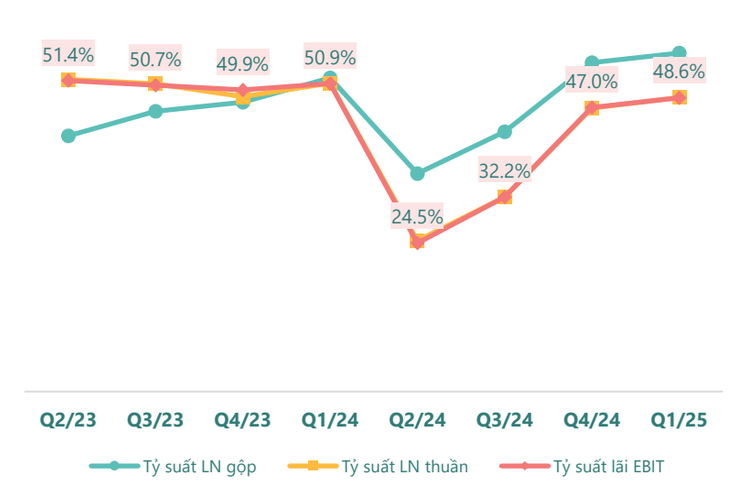
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



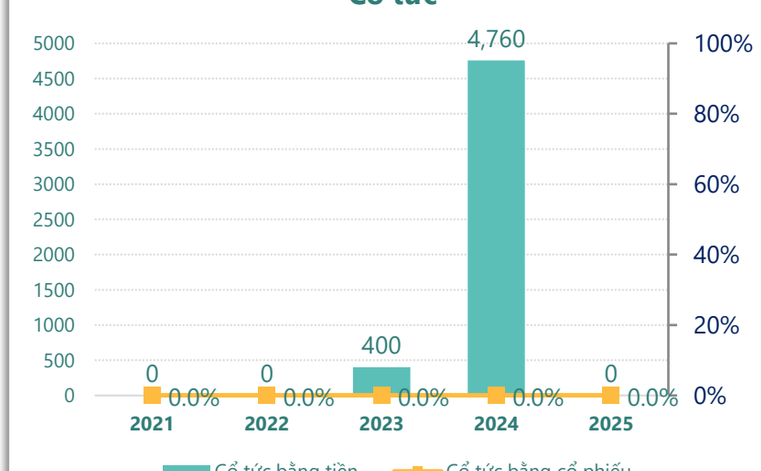
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

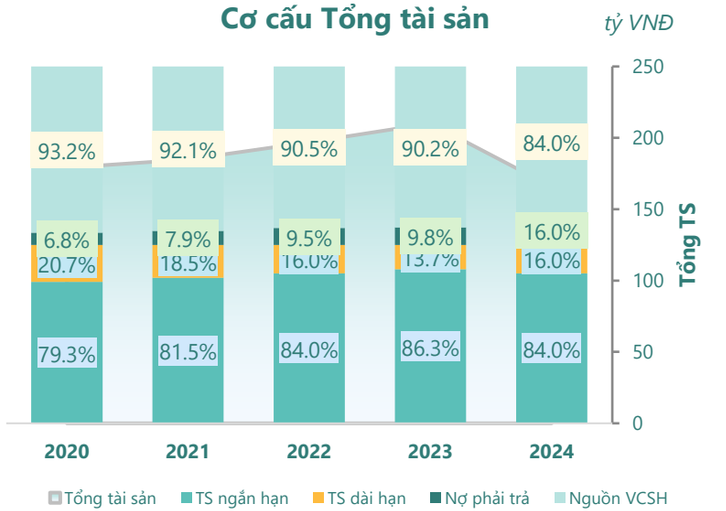
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

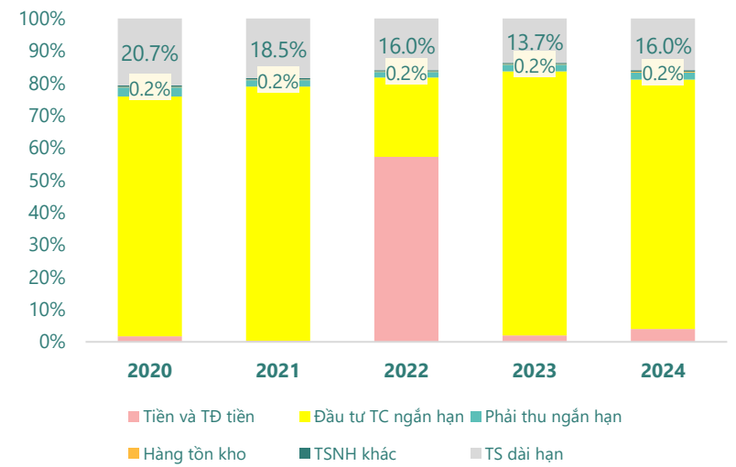
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



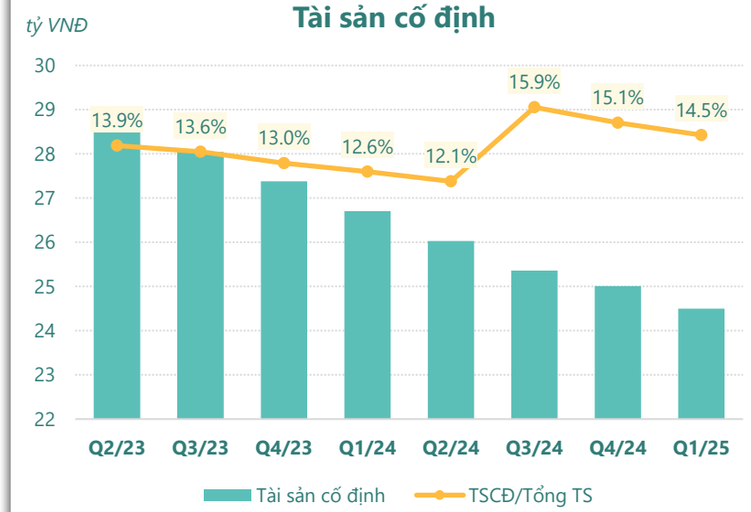
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



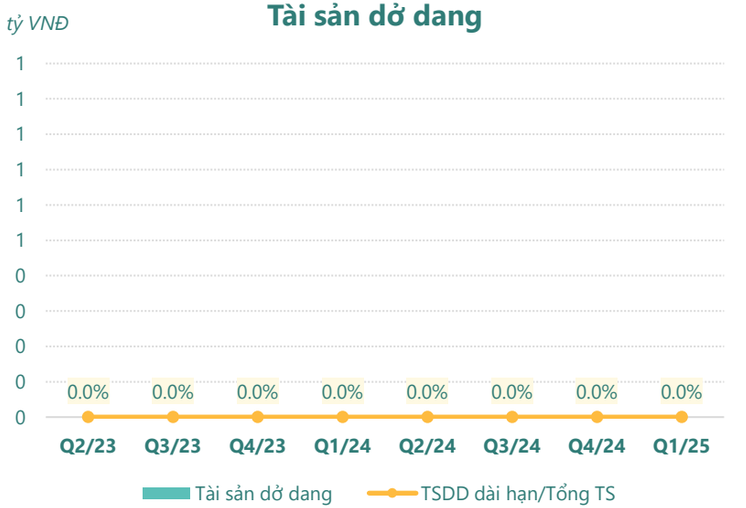
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



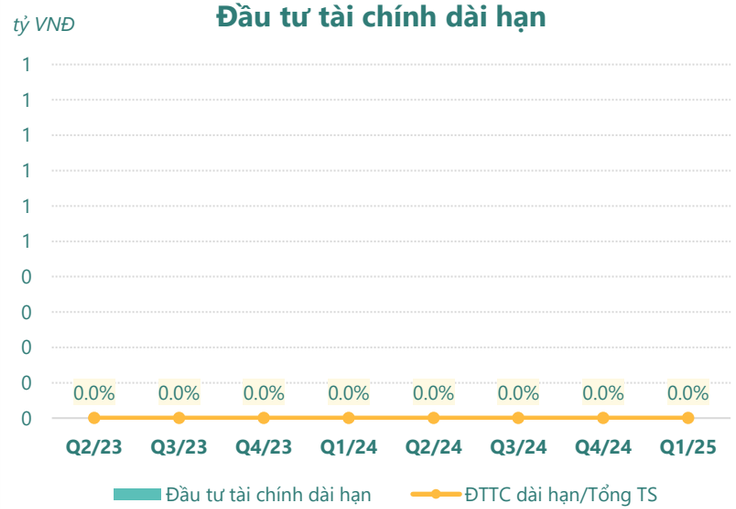
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



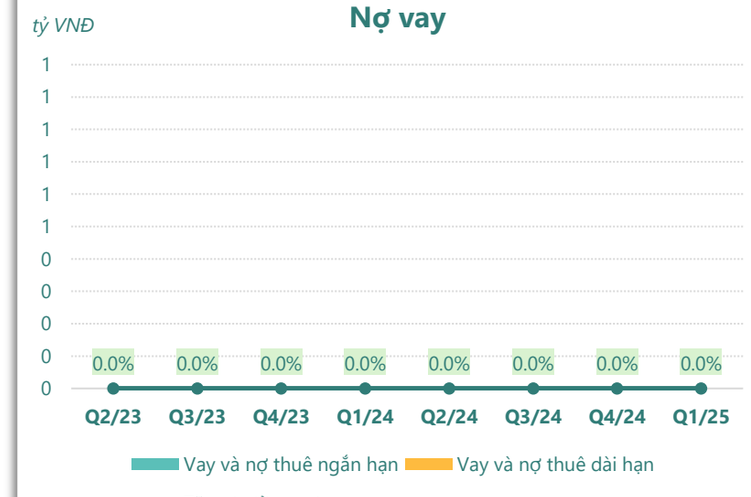
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

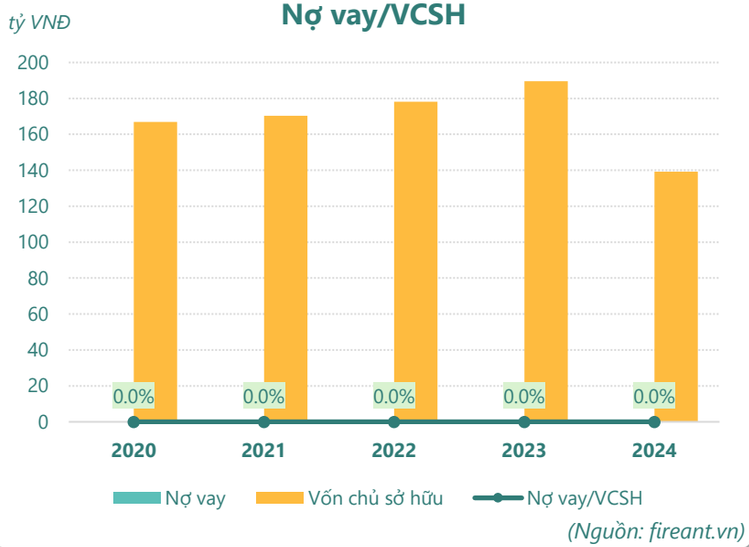
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

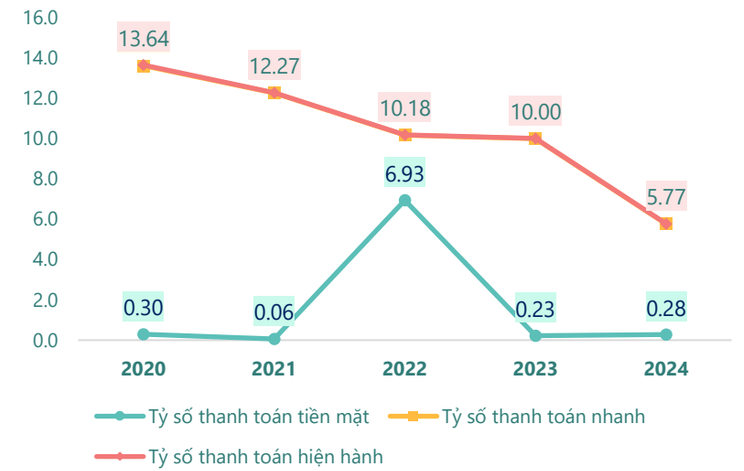
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



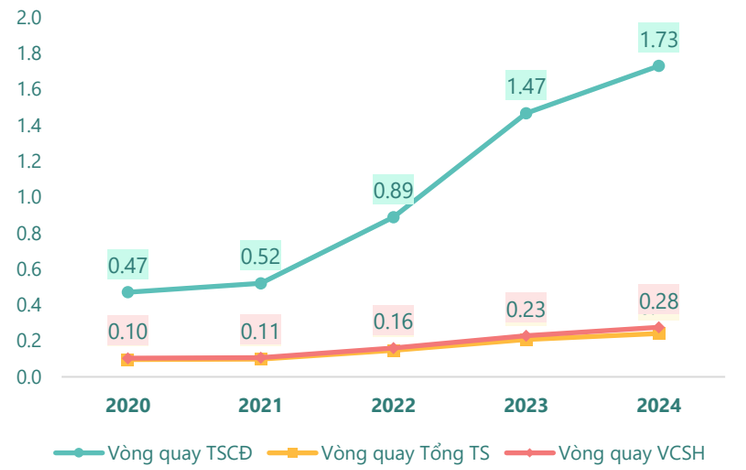
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



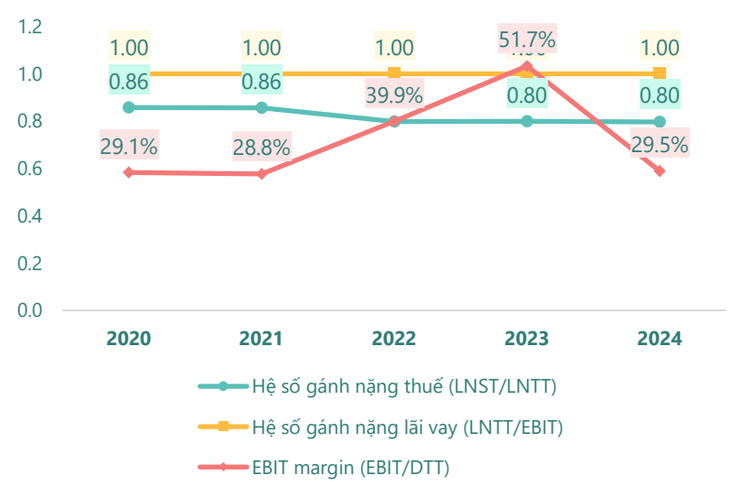
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



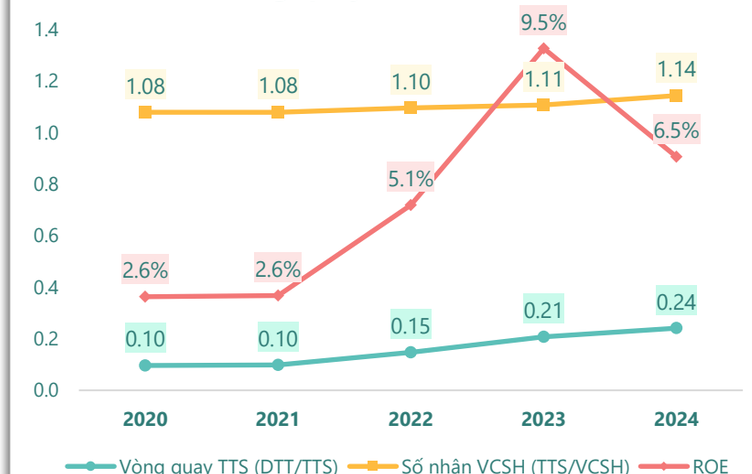
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



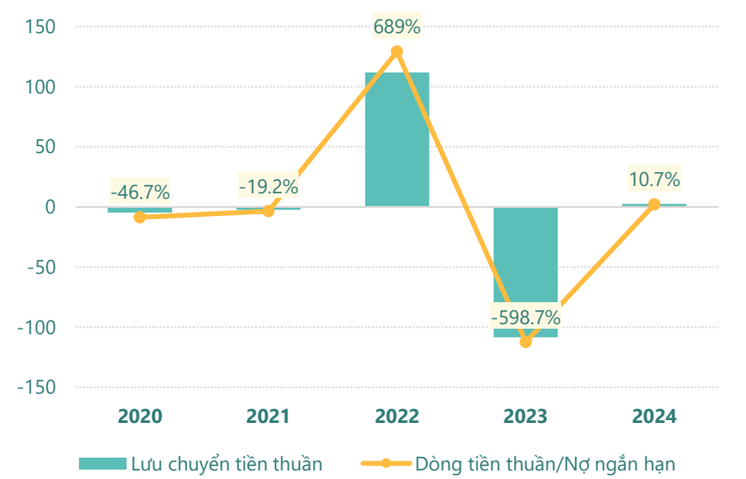
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**12.2**	**10.6**	**14.9%**	**45.3**	**42.2**	**7.3%**
Giá vốn hàng bán	5.36	5.09	5.3%	24.4	23.0	6.1%
Lợi nhuận gộp	6.82	5.49	24.1%	21.0	19.3	8.8%
Doanh thu HĐTC	1.43	1.86	-23.2%	5.94	10.9	-45.6%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00	0.00	-91.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.32**	**1.95**	**19.2%**	**13.5**	**8.44**	**60.4%**
LN thuần từ HĐKD	5.92	5.39	9.8%	13.4	21.8	-38.5%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**-0.03**	**0.05**	**-155%**
LN trước thuế	5.92	5.39	9.7%	13.3	21.8	-38.8%
Lợi nhuận sau thuế	**4.72**	**4.31**	**9.5%**	**10.6**	**17.4**	**-39.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.72**	**4.31**	**9.5%**	**10.6**	**17.4**	**-39.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.31	-0.99	-1.57	59.2	2.62	-0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.11	0.29	0.08	0.22	0.05	0.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-57.3	0	0
Tiền đầu kỳ	8.29	4.09	3.39	1.90	4.00	6.67
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.20**	**-0.70**	**-1.49**	**2.09**	**2.67**	**-0.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.01	0.00	0
Tiền cuối kỳ	4.09	3.39	1.90	4.00	6.67	6.51

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**169**	**166**	**2.2%**
Tài sản ngắn hạn	143	139	3.0%
Tiền và tương đương tiền	6.51	6.67	-2.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	132	128	3.1%
Phải thu ngắn hạn	3.95	3.74	5.8%
Hàng tồn kho	0.36	0.33	11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.81	0.76	7.4%
Tài sản dài hạn	**26.0**	**26.6**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	0.75	0.75	0.0%
Tài sản cố định	24.5	25.0	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.79**	**0.80**	**-0.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.5	26.6	-4.1%
Nợ ngắn hạn	**23.1**	**24.1**	**-4.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.65	0.55	17.3%
Nợ dài hạn	2.46	2.48	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**144**	**139**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**144**	**139**	**3.4%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)